

Số: 217 /SGDĐT-KHTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2023

V/v đơn đốc nộp báo cáo xây dựng  
phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự  
nghiệp công lập giai đoạn 2023-2025;  
báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ  
tài chính năm 2022

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị công lập trực thuộc

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP); Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Để có căn cứ giao quyền chủ tài chính; kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở giai đoạn 2023-2025; báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính năm 2022. Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị, cụ thể như sau:

1. Về xây dựng phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2025

Ngày 05/01/2023 Sở Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 35/SGDĐT-KHTC về việc xây dựng phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2025 (Công văn số 35/SGDĐT-KHTC) gửi các đơn vị công lập trực thuộc Sở. Tuy nhiên đến nay còn nhiều đơn vị chưa nộp báo cáo đề Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp gửi Sở Tài chính (chi tiết theo danh sách gửi kèm Công văn này).

Đề nghị các đơn vị chưa nộp báo cáo khẩn trương nộp phương án tự chủ tài chính theo hướng dẫn tại Công văn số 35/SGDĐT-KHTC, để Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai việc giao quyền chủ tài chính; kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ từ nguồn ngân sách nhà nước đối với các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở giai đoạn 2023-2025 đảm bảo đúng chế độ quy định. Các đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc nộp phương án tự chủ chậm muộn ảnh hưởng đến việc triển khai giao quyền tự chủ tài chính đối với các đơn vị trực thuộc của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Về báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính năm 2022

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc, báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính năm 2022, cụ thể như sau:

a) Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính năm 2022 (chi tiết theo biểu mẫu kèm theo Công văn này).

b) Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính năm 2022 và phụ biểu kèm theo, đơn vị nộp 02 bộ về Sở Giáo dục và Đào tạo qua phòng Kế hoạch - Tài chính (đồng chí chuyên quản công tác tài chính), trước ngày 10/02/2023.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc xin liên hệ đồng chí Trương Thị Ánh Tuyết số điện thoại 0912 624 068.

Đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.



**GIÁM ĐỐC**

**Trần Thế Cường**

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NỘP BÁO CÁO PHƯƠNG ÁN PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP  
CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2023-2025**

(Kèm theo Công văn số 217...SGDDT-KHTC ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên đơn vị	Tình hình nộp		Ghi chú
		Đã nộp	Chưa nộp	
1	2	3	4	
<b>I</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (**)</b>			
<b>II</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên</b>			
1	Trường Mẫu giáo Mầm non B Hà Nội		X	
2	Trường Mẫu giáo Việt Triều Hữu nghị		X	
3	Trường THPT Phan Huy Chú - Đống Đa		X	
4	Trường THPT Hoàng Cầu	X		
<b>III</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên</b>			
1	Trường Tiểu học Bình Minh		X	
2	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu		X	
3	Trường PTCS Xã Đàn	X		
4	Trường THPT Đống Đa	X		
5	Trường THPT Kim Liên	X		
6	Trường THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa	X		
7	Trường THPT Quang Trung - Đống Đa	X		
8	Trường THPT Vân Nội		X	
9	Trường THPT Cổ Loa	X		
10	Trường THPT Liên Hà	X		
11	Trường THPT Đông Anh	X		
12	Trường THPT Sóc Sơn	X		
13	Trường THPT Kim Anh	X		
14	Trường THPT Trung Giã	X		
15	Trường THPT Đa Phúc	X		
16	Trường THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm	X		
17	Trường THPT Việt Đức	X		
18	Trường THPT Chu Văn An	X		
19	Trường THPT Tây Hồ	X		
20	Trường THPT Phan Đình Phùng	X		
21	Trường THPT Phạm Hồng Thái	X		
22	Trường THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình	X		
23	Trường THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam	X		
24	Trường THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân		X	
25	Trường THPT Nhân Chính	X		

TT	Tên đơn vị	Tình hình nộp		Ghi chú
		Đã nộp	Chưa nộp	
1	2	3	4	
26	Trường THPT Yên Hoà	x		
27	Trường THPT Việt Nam - Ba Lan		x	
28	Trường THPT Ngọc Hồi	x		
29	Trường THPT Hoàng Văn Thụ		x	
30	Trường THPT Ngô Thị Nhậm		x	
31	Trường THPT Thăng Long		x	
32	Trường THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng		x	
33	Trường THPT Trần Nhân Tông		x	
34	Trường THPT Trương Định		x	
35	Trường THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm		x	
36	Trường THPT Yên Viên		x	
37	Trường THPT Dương Xá	x		
38	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ		x	
39	Trường THPT Nguyễn Gia Thiều	x		
40	Trường THPT Lý Thường Kiệt	x		
41	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai		x	
42	Trường THPT Xuân Đình	x		
43	Trường THPT Đại Mỗ	x		
44	Trường THPT Thượng Cát	x		
45	Trường THPT Xuân Giang	x		
46	Trường THPT Minh Phú	x		
47	Trường THPT Cầu Giấy	x		
48	Trường THPT Trung Văn	x		
49	Trường THPT Mê Linh		x	
50	Trường THPT Tự Lập		x	
51	Trường THPT Quang Minh		x	
52	Trường THPT Tiến Thịnh		x	
53	Trường THPT Tiên Phong		x	
54	Trường THPT Yên Lãng		x	
55	Trường THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông		x	
56	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ	x		
57	Trường THPT Quang Trung - Hà Đông		x	
58	Trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông		x	
59	Trường THPT Sơn Tây	x		
60	Trường THPT Tùng Thiện	x		
61	Trường THPT Xuân Khanh	x		

TT	Tên đơn vị	Tình hình nộp		Ghi chú
		Đã nộp	Chưa nộp	
1	2	3	4	
62	Trường THPT Ba Vì		X	
63	Trường THPT Bất Bạt		X	
64	Trường THPT Ngô Quyền - Ba Vì		X	
65	Trường THPT Quảng Oai	X		
66	Trường THPT Phúc Thọ	X		
67	Trường THPT Ngọc Tảo	X		
68	Trường THPT Vân Cốc	X		
69	Trường THPT Đan Phượng	X		
70	Trường THPT Hồng Thái	X		
71	Trường THPT Tân Lập	X		
72	Trường THPT Thạch Thất		X	
73	Trường THPT Phùng Khắc Khoan-T.Thất		X	
74	Trường THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất		X	
75	Trường THPT Bắc Lương Sơn		X	
76	Trường THPT Hoài Đức A	X		
77	Trường THPT Hoài Đức B	X		
78	Trường THPT Vạn Xuân - Hoài Đức	X		
79	Trường THPT Quốc Oai	X		
80	Trường THPT Minh Khai		X	
81	Trường THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai		X	
82	Trường THPT Chương Mỹ A	X		
83	Trường THPT Chương Mỹ B	X		
84	Trường THPT Chúc Động	X		
85	Trường THPT Xuân Mai	X		
86	Trường THPT Thanh Oai A		X	
87	Trường THPT Thanh Oai B		X	
88	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai.		X	
89	Trường THPT Thường Tín	X		
90	Trường THPT Tô Hiệu - Thường Tín	X		
91	Trường THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín		X	
92	Trường THPT Vân Tảo	X		
93	Trường THPT Lý Từ Tấn		X	
94	Trường THPT Mỹ Đức A		X	
95	Trường THPT Mỹ Đức B		X	
96	Trường THPT Mỹ Đức C		X	
97	Trường THPT Hợp Thanh		X	

TT	Tên đơn vị	Tình hình nộp		Ghi chú
		Đã nộp	Chưa nộp	
1	2	3	4	
98	Trường THPT Ứng Hoà A		X	
99	Trường THPT Ứng Hoà B		X	
100	Trường THPT Đại Cường	X		
101	Trường THPT Lưu Hoàng	X		
102	Trường THPT Trần Đăng Ninh		X	
103	Trường THPT Phú Xuyên A		X	
104	Trường THPT Phú Xuyên B	X		
105	Trường THPT Đồng Quan	X		
106	Trường THPT Tân Dân	X		
107	Trường THPT Bắc Thăng Long	X		
108	Trường THPT Thạch Bàn - Long Biên		X	
109	Trường THPT Lê Lợi		X	
110	Trường THPT Minh Quang		X	
111	Trường THPT Phúc Lợi	X		
112	Trường THPT Đông Mỹ	X		
113	Trường THPT Xuân Phương		X	
114	Trường THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai		X	
115	Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh	X		
116	Trường THPT Hoài Đức C	X		
117	Trường THPT Khương Đình		X	
118	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Khương Hạ		X	
119	Trường THPT Mỹ Đình		X	
120	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi	X		
121	Trường THPT Minh Hà		X	
122	Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội		X	
<b>IV</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên</b>			
1	Trường phổ thông Dân tộc nội trú	X		

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH**  
**CỦA TRƯỜNG ..... NĂM 2022**

**I. Đánh giá chung**

Tình hình triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

**II. Đánh giá cụ thể**

**1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:**

a) Về tổ chức bộ máy: Số phòng, ban, trung tâm trực thuộc của đơn vị; số tầng, giảm (nếu có); tình hình sắp xếp bộ máy của đơn vị.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: ... người (trong đó: số cán bộ, viên chức ... người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên ... người)

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm: .... người (chi tiết như trên).

Nguyên nhân tăng, giảm cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của đơn vị; tình hình tinh giản cán bộ, viên chức.

Về thành lập, hoạt động của Hội đồng quản lý (nếu có).

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính...

- Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ sử dụng NSNN, đánh giá về thời hạn hoàn thành nhiệm vụ, chất lượng sản phẩm đã hoàn thành được nghiệm thu hoặc được duyệt, chấp nhận...

- Về thực hiện nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Về thực hiện nhiệm vụ thu, chi phí, lệ phí theo pháp luật phí và lệ phí.

- Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác.

## **2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị**

Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị... theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

## **3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị**

a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Các khoản thu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (thu học phí), cụ thể:

+ Thu học phí: .... đồng

+ Kinh phí ngân sách cấp bù miễn giảm học phí, chênh lệch thu học phí: .... đồng

- Khoản thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN: tên dịch vụ sự nghiệp công, số lượng, khối lượng, đơn giá...

Kinh phí ngân sách giao nhiệm vụ (chi thường xuyên):

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

- Nguồn thu (chi tiết theo từng nguồn thu nêu trên)

+ Dự toán thu: .... triệu đồng

+ Số thực hiện: .... triệu đồng.

- Chi thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn)

+ Dự toán chi ... triệu đồng

+ Số thực hiện .... triệu đồng (bao gồm cả nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác nếu có).

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện): ..... triệu đồng.

- Tình hình sử dụng các quỹ (chi tiết theo từng quỹ): Số dư đầu năm ... triệu đồng; số trích trong năm: ... triệu đồng; số chi quỹ trong năm: ... triệu đồng; số dư chuyển sang năm sau: ... triệu đồng.

- Đơn vị nhóm 4 báo cáo tình hình sử dụng kinh phí tiết kiệm.

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm



- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị: .... triệu đồng

- Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong đơn vị: ... triệu đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân: ... lần; trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: ... triệu đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất: ... triệu đồng/tháng.

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

**4. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn).**

**5. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.**

**6. Đề xuất, kiến nghị.**

*(Biểu báo cáo số liệu kèm theo).*

**NGƯỜI LẬP BÁO CÁO**

*(Ký tên)*

*... Ngày... tháng... năm...*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI  
TRƯỜNG .....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính năm 2022)

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị</b>	<b>Người</b>			
1	Số cán bộ, viên chức	Người			
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người			
<b>II</b>	<b>Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp</b>	<b>Triệu đồng</b>			
<b>III</b>	<b>Nguồn tài chính</b>	<b>Triệu đồng</b>			
<b>A</b>	<b>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên</b>				
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:				
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)				
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)				
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)				
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)				
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)				
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
<b>IV</b>	<b>Chi thường xuyên</b>				
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương				
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp				
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
6	Trích khấu hao tài sản cố định				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)				
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
<b>V</b>	<b>Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)</b>				
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập				
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi				
4	Trích Quỹ khác (nếu có)				
	<i>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>				
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	Triệu đồng			
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	Lần			
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
<b>B</b>	<b>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</b>	Triệu đồng			
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn thu	Triệu đồng			
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)	Triệu đồng			
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
	<i>(Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự 1 nêu trên)</i>				

Ghi chú: Số thứ tự Điểm 1.1 A.III (\*): Tùy theo từng loại hình đơn vị để báo cáo kinh phí NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí có khấu hao tài sản cố định hoặc tính đủ chi phí không có khấu hao tài sản cố định.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)